

BEGIN AGAIN
ENGLISH

**TÀI LIỆU ÔN THI
TIẾNG ANH B1 – VSTEP
PHẦN THI NÓI**



USEFUL LANGUAGES FOR VSTEP SPEAKING

1. Common connective words (*Các từ nối thông dụng*)

Addition <i>(Bổ sung)</i>	Sequence <i>(Nối câu)</i>	Consequence <i>(Kết quả)</i>	Contrast <i>(Tương phản)</i>
In addition and similarly likewise as well as besides furthermore also moreover and then too not only ... but also besides this/that	Firstly Initially secondly To begin with Then Next Earlier/ Later After this/ that Following this/ that Afterwards	As a result Thus So Therefore Consequently It follows that Thereby Eventually Then In that case Admittedly	However On the other hand Despite In spite of Though Although But On the contrary Otherwise yet
Certainly <i>(Đưa ra sự chắc chắn)</i>	Condition <i>(Điều kiện)</i>	Definition <i>(Định nghĩa)</i>	Instead of Rather
Obviously Certainly Plainly Of course Undoubtedly	If Unless Whether Provided that For So that Depending on	Is Refers to Means That is Consists of	Whereas Nevertheless Compared with In contrast Alternatively
Example <i>(Ví dụ)</i>	Reason <i>(Lý do)</i>	Time <i>(Thời gian)</i>	Summary <i>(Tổng kết)</i>
For Instance One example For example Just as	Since As So Because	Before Since As Until	In conclusion In summary Lastly Finally

BEGIN AGAIN

ENGLISH

In particular	Due to	Meanwhile	To sum up
Such as	Owning to	At the moment	To conclude
Namely	The reason why	When	To recapitulate
To illustrate	In other words	Whenever	In short
	Leads to	As soon as	
	Cause	Just as	

2. Stalling (*Sự dừng câu*)

Stalling is a way of giving an extra moment to think about the answer. You could ask for a question to repeated, you can use hesitating linking words or phrases. (*Sự dừng câu là một cách để có thêm thời gian để nghĩ về câu trả lời. Các em có thể hỏi một câu hỏi để được nhắc lại, các em có thể sử dụng từ hoặc cụm từ nói thẻ hiện sự ngập ngừng trước khi đưa ra ý kiến*)

a. Asking question to repeated: (*Hỏi câu hỏi để được nhắc lại*)

- Could you say that again, please?
- Sorry, what was that?
- I'm afraid I don't understand
- I'm afraid I didn't catch that

b. Hesitating linking words or phrases (*Từ hoặc cụm từ nói thẻ hiện sự ngập ngừng*)

- Well, to be honest
- Actually
- Let me see
- You know
- That's an/a interesting/tough question. I suppose....

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- I'm not really sure, but perhaps...
- Well, it's a bit difficult for me to say, but I guess...

3. Expressing feelings (*Biểu lộ cảm xúc*)

Negative feelings <i>(Cảm xúc tiêu cực)</i>	Positive feelings <i>(Cảm xúc tích cực)</i>
I'm afraid I can't stand	I love
I absolutely hate ... it's really horrible	I just adore
I really don't like	I absolutely adore
I'm not very keen on	I'm quite keen on
	I'm fond of
	I'm into doing something

SOCIAL INTERACTION

In this part, you will be answered 3-6 questions about 2 different topics.
(Ở phần này, các em sẽ trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau)

Step 1: Introduce yourself (Giới thiệu bản thân)

My name is you can call me....

Step 2: Answer the questions given by the examiner (Trả lời câu hỏi giám thị đưa ra)

Tips:

- Answer at least 2-3 sentences for each question (*Trả lời ít nhất 2-3 câu cho mỗi câu hỏi*)
- Stay on the topic and give extra information (reason for your answer as well) (*Giữ trọng tâm ở chủ đề và đưa ra thông tin thêm*)
- Using hesitating words and phrases to make your answer natural. (*Sử dụng các từ và cụm từ ngập ngừng để tạo ra sự tự nhiên trong câu trả lời*)
- Using linking words (*Sử dụng các từ nối*)
- Never speak as if you memorize the answer. (*Không bao giờ đọc như học thuộc lòng*)

Question types (*Dạng câu hỏi*) :

1. Like/ dislike (*Thích / Không thích*)

- Using expressing feelings expressions (*Dùng những diễn đạt biểu lộ cảm xúc*)
- Listing ideas by using linking words or phrases (*Liệt kê các ý kiến bằng việc sử dụng từ hoặc cụm từ nối*)

Example: What do you like about your hometown? => The best thing about living here is that *everything is at your fingertips*. Moreover, *I just adore* the local cuisine. However, I'm afraid *I can't stand* the traffic jams during rush hours.

BEGIN AGAIN

ENGLISH

2. Yes/no question (Câu hỏi yes/no)

- Confirm the answer: yes/ no/ it depends (*Xác định câu trả lời: Yes / No/ Còn tùy*)
- State the reasons (*Phát biểu lý do*)
- Clarify the reason by using example (Optional) (*Làm rõ lý do bằng việc đưa ra ví dụ*)

This kind of question partly similar to like/dislike questions except from the confirmation part (*Loại câu hỏi này có phần tương tự như câu hỏi Yes/ No, ngoại trừ phần xác nhận*)

Example: Do you like sport?

=> Yes, definitely. I am into it since it helps me to keep fit. Furthermore, I can enjoy meaningful time with my friends.

Example: Do you think people should use public transport?

=> Yes, I totally agree that people should use buses or train since it would save a huge amount of money. Another reason is that it might reduce pollution.

3. Wh question (Câu hỏi Wh)

- You might give the answer and then supporting ideas for it. (interrogative words: what, where) (*Các em có thể đưa ra câu trả lời cùng các ý bô trơ*)

Example: Where does your family live?

We live in Danang city, the largest city of Central Vietnam. This beautiful place is famous for sandy beaches and annual festival.

- You might give the answer and the reason for your answer (*Các em có thể đưa ra câu trả lời và lý do cho câu trả lời*)

Example: How did you come here today?

=> I came here by motorbike as it is my only vehicle. Furthermore, it's quite convenient because it's easy to find a parking lot.

Example questions for Vstep Speaking part 1

Family (<i>Gia đình</i>)	Job (<i>Công việc</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - Can you tell me something about your family? - Where do your family live? - Who are you close to in your family? 	<ul style="list-style-type: none"> - Do you work or study? - Why do you choose that job?/that study? - Do you think you will ever change your job/ study?

Free time (<i>Thời gian rảnh</i>)	Holidays (<i>Kỳ nghỉ</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - What do you enjoy doing in your free time? - Why do you like doing these activities? - Do you read books/ watch movies/ play sports? Why? 	<ul style="list-style-type: none"> - What do you do when you have a holiday? - Where do you like to spend your holiday? - Do you enjoy staying at home during the holiday?

Transportation (<i>Phương tiện</i>)	Hometown (<i>Quê quán</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - How did you come here today? - What is public transport like in your town? - Do you think people should use public transport? 	<ul style="list-style-type: none"> - Can you describe your town or village to me? - What do you like about your hometown? - What jobs do people do in your town do?

Shopping (<i>Mua sắm</i>)	Keeping fit (<i>Giữ vóc dáng cân đối</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - Do you enjoy going shopping? - How much time do you spend shopping every week? - Do you enjoy going shopping alone or with your friends? 	<ul style="list-style-type: none"> - What do you do to be in shape - What's your favorite sport? - How can we get young people do more exercise?

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Television (<i>TV</i>)	Weather (<i>Thời tiết</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - What sorts of thing do you watch on TV? - What is your favorite TV program? - Do you think it's good idea to have a TV in a bedroom? 	<ul style="list-style-type: none"> - What is your favorite weather? - Does the weather effect the way you feel? - Do you like the weather in your country?

Music (<i>Âm nhạc</i>)	Hobbies (<i>Sở thích</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - What's your favorite type of music? - Do you think music is important? - If you could learn a musical instrument, what would it be? 	<ul style="list-style-type: none"> - Do you have a hobby? - What hobbies are popular in your city? - Why do you think people should have hobbies?

Food (<i>Đồ ăn</i>)	Reading (<i>Đọc</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - What's your favorite food? - Is there any food you dislike? - What is healthy diet? 	<ul style="list-style-type: none"> - Do you like book? - What kind of book do you like? - Do you think it is important to encourage children to read?

House (<i>Nhà cửa</i>)	Pet (<i>Thú cưng</i>)
<ul style="list-style-type: none"> - Can you describe the house where you live? - What do you like about the area where you live? - Do you think it better to live in the center of town or outside in the country 	<ul style="list-style-type: none"> - Do you like animals? - What is the popular pet to have in your country? - Why do you people have pets?

CHỦ ĐỀ 1: YOUR STUDY OR WORK

Các câu hỏi điển hình:

- ✓ Are you a student or a worker? (*Bạn là học sinh hay người đi làm?*)
- ✓ Why did you choose your major/ job? (*Tại sao bạn chọn ngành/công việc này?*)
- ✓ Is your major/job popular in your country these days? (*Ngành/nghề mà bạn chọn có đang phổ biến ở nước bạn không?*)
- ✓ How do you like your major/job? (*Bạn thích ngành/nghề của bạn như thế nào?*)
- ✓ Is there anything you dislike about your major/ job? (*Có điều gì mà bạn không thích về ngành/nghề của mình không?*)

- Strengths : thuận lợi
- Weaknesses : bất lợi
- Opportunities: cơ hội nghề nghiệp
- Threats : những thách thức

Giám khảo cũng có thể đặt câu hỏi theo SWOT, ví dụ:

What kind of language can you speak? (*Bạn có thể nói những ngôn ngữ nào?*)

What are the benefits of speaking foreign language? (*Thuận lợi của việc nói tiếng nước ngoài là gì?*)

What is the most difficult part of learning another language? (*Điều gì khó nhất khi học các ngôn ngữ khác?*)

What is the most efficient way to learning another language? (*Những cách hiệu quả nào để học ngôn ngữ khác?*)

→ Currently, I am a senior student at XXX University, majoring in computer science and technology and specializing in programing. (*Hiện tại em là sinh viên năm cuối của trường đại học XXX, ngành khoa học và công nghệ máy tính, chuyên về lập trình*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

→ Well, I am fresh graduate from XXX University, and currently, I'm studying for IELTS at a language center and preparing to further my studies at XXX this coming July. (*Tôi là sinh viên vừa mới tốt nghiệp ở trường đại học XXX và hiện tại tôi đang học IELTS ở một trung tâm ngoại ngữ và chuẩn bị cho việc học sắp tới ở XXX trong tháng 7*)

I choose it simply because..... (*Tôi chọn nó đơn giản bởi vì*)

The reason why I decided on XXX is that..... (*Lý do vì sao tôi chọn XXX là vì*)

Actually, I am considering changing my major from A to B since I think that... (*Thật ra tôi đang phân vân đổi chuyên ngành từ A sang B bởi vì tôi nghĩ rằng*)

1. I am not good at..., and the study of...is really not my cup of tea. (*Tôi không giỏi về...và học về....thì không phải sở thích của tôi*)
2. ... is the one that I really cannot get over/ is fairly demanding for me to overcome.
3. I am more talented/ gifted in...(*Tôi có khiếu....hơn*)

NGHỀ NGHIỆP

THUẬN LỢI

Generally, the best thing about my job is... simply/ mainly/ because....

Những lý do khiến bạn yêu thích nghề của mình:

- ✓ Boost my people skills (*nâng cao kỹ năng giao tiếp*)

I enjoy interacting / communicating/ mingling with the different types of clients.

- ✓ Expand my social network (*mở rộng quan hệ xã hội*)

I may establish a sound relationship in this area

- ✓ Meet my requirements (*đáp ứng các nhu cầu*)

➤ Financial security (*đảm bảo về tài chính*)

➤ Promotion opportunity (*cơ hội thăng tiến*)

➤ Self-improvement (*hoàn thiện bản thân*)

BẤT LỢI

Honestly, the worst I have to say about my job is... since...

(*Thú thật, điều tồi tệ nhất tôi phải nói về công việc của tôi đó là*)

I am little bored with sitting in front of a computer screen all day long, and I am longing for the job that involves dealing with people.

(*Tôi cảm thấy hơi chán việc ngồi trước màn hình máy tính suốt ngày, tôi khao khát làm một nghề được tiếp xúc với mọi người.*)

Frankly speaking, I am currently experiencing some bottlenecks at work, and I want to actively look for some breakthrough, so I have chosen to improve my competence through studying abroad.

(*Nói thẳng ra, hiện tôi đang gặp một số trở ngại trong công việc và tôi muốn chủ động tìm kiếm sự đột phá, vì vậy tôi đã chọn đi du học để nâng cao năng lực của mình.*)

CHỦ ĐỀ 2: YOUR HOMETOWN

Các câu hỏi điển hình

Where are you from? (*Bạn đến từ đâu*)

Is it a big city or small town? (*Đó là thành phố lớn hay là thị trấn nhỏ*)

What is the best thing of living in your home town? (*Điều gì tuyệt vời nhất khi sống ở quê hương của bạn*)

Is it suitable for young people to live in? (*Nó có phù hợp cho giới trẻ sinh sống không?*)

Vị trí địa lý

My hometown is located in the northern /central /southern part of Vietnam.

(*Quê tôi ở miền Bắc/ Trung / Nam Việt Nam*)

Điểm nổi bật

My hometown features seafood and stunning ocean views

(*Điểm nổi bật của quê tôi là hải sản và cảnh biển tuyệt đẹp*)

My hometown is the birthplace / place of origin of XXX

(*Quê tôi là nơi sinh/ bắt nguồn của...*)

My hometown has the worldwide reputation for XXX

(*Quê tôi nổi tiếng khắp thế giới về ...*)

Quy mô

My hometown is a ...

- ✓ Metropolis with millions of dwellers (*thành phố lớn với hàng triệu cư dân*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- ✓ Medium city with well-developed facilities (*thành phố quy mô vừa với những tiện ích rất tiên tiến*)
- ✓ Small city with a beautiful natural landscape (*thành phố nhỏ với cảnh thiên nhiên tươi đẹp*)
- ✓ Collection of villages with rich natural resource (*khu làng giàu tài nguyên thiên nhiên*)

Nét đặc sắc

The biggest feature of my city is ... (*Điểm đặc trưng nhất của thành phố em đó là...*)

The most unique characteristic of my hometown is... (*Đặc điểm riêng biệt của quê hương em đó là...*)

When it comes to my hometown,... will be the first thing that comes into people's mind (*Khi đến với quê hương em sẽ là điều đầu tiên ập ngay vào tâm trí của mọi người*)

Cảm nhận về quê hương (nơi này có thích hợp với những người trẻ tuổi hay không)

Thích hợp

Defenitely yes, my hometown is a perfect place for young people to live in simply because ... (*Chắc chắn là có rồi, quê hương của tôi là một nơi tuyệt vời cho các bạn trẻ sinh sống đơn giản bởi vì*)

Không thích hợp

No, I don't think so since my hometown... (*Không tôi không nghĩ vậy bởi vì*)

Facilities (những tiện ích)

Thích hợp:

The facilities are well developed, including gyms, schools, hospitals, public transport, and even leisure facilities. (*Những tiện ích được phát triển tốt, bao gồm phòng tập thể hình, trường học, bệnh viện, phương tiện công cộng*)

Không thích hợp:

The facilities are less developed, and the resource are a bit limited. (*Các tiện ích thì ít được đầu tư, và tài nguyên thì khá giới hạn*)

Selection (sự chọn lựa)

Thích hợp:

Young people have all sorts of choices in my city; they can go shopping, enjoy fantastic delicacies, watch films, and so on (*Giới trẻ có tất cả các sự lựa chọn ở thành phố của em; họ có thể đi mua sắm, xem phim, ...*)

Không thích hợp:

Life in my hometown is a bit monotonous; young people have few entertainment options (*Cuộc sống ở quê em khá nhảm chán, giới trẻ có rất ít sự lựa chọn để giải trí*)

Opportunity (cơ hội)

Thích hợp: Opportunities in my city are various, from education to job-hunting, from making friends to watching a show, you name it. (*Có rất nhiều cơ hội ở thành phố của em, từ giáo dục đến tìm việc, từ kết bạn đến xem một chương trình*)

Không thích hợp:

Young people can hardly find a well-paid job in my hometown. (*Giới trẻ khó để tìm được một công việc được trả lương tốt*)

CHỦ ĐỀ 3: YOUR HOBBIES AND INTERESTS

Các câu hỏi điển hình:

What do you like to do in your spare time? (*Bạn thích làm gì trong thời gian rảnh rỗi*)

How do you spend your holidays or weekends? (*Bạn dành cuối tuần hoặc kỳ nghỉ của mình như thế nào?*)

What is your favorite way of relaxation? (*Cách thư giãn yêu thích của bạn là gì?*)

Gợi ý

In my spare time, I like to... (*Trong thời gian rảnh rỗi thì tôi thích...*)

- ✓ Catch up on gossip with my best friends (*tán gẫu với bạn thân*)
- ✓ Watch films my boyfriend/girlfriend (*xem phim cùng bạn trai/bạn gái*)
- ✓ Go window-shopping with my bestie (*đao phố với bạn thân*)
- ✓ Play video games (*choi trò chơi điện tử*)
- ✓ Go travelling around the country/ world (*đi du lịch khắp đất nước/ thế giới*)
- ✓ Sing karaoke with my classmates / colleagues (*hát karaoke với bạn học hoặc đồng nghiệp*)
- ✓ Play cards / board games with my buddies (*choi bài/ cờ cùng bạn bè*)
- ✓ Do some exercise like hiking/jogging/swimming/doing yoga/ playing badminton (*vận động như đi bộ đường trường/ chạy bộ/ bơi lội/ tập yoga/ chơi cầu lông*)
- ✓ Go on a picnic with my family members (*đi dã ngoại cùng các thành viên trong gia đình*)
- ✓ Walk my dog or play Frisbee with it (*đắt chó đi dạo hoặc chơi ném đĩa với nó*)

Simply because I can (*đơn giản bởi vì*)

- ✓ Relax myself/ wind down/ unwind/ kick back/ lie back/ take a load off/ easy my mind (*Thư giãn bản thân...*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Giải thích: Since I am a full-time student, I need to learn how to refresh and revitalize myself (*Bởi vì tôi là học sinh cả ngày trên trường, tôi cần phải học để làm mới bản thân*)

- ✓ Release my pressure/ put down my burden/ ease my stress

Giải thích: Apparently, I have been pretty stressful about my examinations and my future so I need a way out (*Rõ ràng là tôi khá stress về các kỳ thi và tương lai của mình nên em cần tìm một lối ra*)

- ✓ Keep fit/ keep in good shape/ keep a good figure/ build my body/ lose weight/ live a well-balanced life

Giải thích : Since I used to be a nerdy man, you know, sitting in front of the computer all day long, I'd better live a healthier life by doing some sport (*Bởi vì tôi đã từng là một người khá kì quặc, bạn biết đấy, ngồi trước máy tính cả ngày. Tôi muốn sống một cuộc sống khỏe mạnh hơn bằng việc chơi thể thao*)

- ✓ Boost family concord/maintain bonds with friends and family members

Giải thích : You know, I am about to study overseas, and I'll probably be away from them for a while, so I like to cherish every possible chance to socialise with them (*Bạn biết đấy, tôi chuẩn bị học ở nước ngoài và tôi định sẽ xa gia đình một khoảng thời gian cho nên tôi trân trọng những lần chúng tôi có cơ hội ở bên nhau*)

Âm nhạc

Do you like music? (Bạn có thích âm nhạc không?)

A – Khẳng định: Definitely yes, everyone enjoys music, and I am no exception. I love... (*Tất nhiên là có rồi, ai cũng thích âm nhạc và tôi không phải là ngoại lệ*)

Phủ định: Well, honestly speaking, music is really not my cup of tea simply because... (*Thành thật mà nói, âm nhạc không phải là sở thích của tôi*)

What – pop, techno, hip-hop, rock, classical, light music

BEGIN AGAIN ENGLISH

Where – Normally, I like to listen to music from my earphones when I take a ride on public transport. (*Thông thường tôi thích nghe nhạc bằng tai nghe khi đang ở trên phương tiện di chuyển*)

When – When I can't go to sleep, I like to listen some light music to calm myself down. (*Khi tôi không thể ngủ, tôi thích nghe một ít nhạc nhẹ nhàng để tĩnh tâm lại*)

Who – My most favorite singers are Adele, James Blunt, and Arvil Lavigne. (*Ca sĩ yêu thích nhất của tôi đó là Adele, James Blunt và Arvil Lavigne*)

Why – I am fond of music mainly because it can cheer me up greatly when I feel down/ low/ blue/ bored/ tired/ depressed (*âm nhạc khiến tôi phấn khởi khi tôi thấy buồn/ chán/ mệt mỏi/ thất vọng...*)

Besides, I also believe that music is an indispensable part (*một phần không thể thiếu*) of culture and tradition, through which I may have a better understanding of different cultures around the world (*tôi có thể hiểu biết tốt hơn về các nền văn hóa khác nhau trên thế giới*)

Tác dụng của âm nhạc

- ✓ Purify my heart with melodious rhythms (light/ gospel/ classical) (*Làm thanh khiết trái tim của tôi bằng những giai điệu du dương*)
- ✓ Produce great chemical reaction in my mind (pop) (*Tạo ra những phản ứng hóa học tuyệt vời ở trong tâm trí*)
- ✓ Wake me up when I feel drowsy in the morning (rock/ punk) (*Dánh thức tôi dậy khi còn ngủ vào buổi sáng*)
- ✓ Blow my mind with strong beats and rhythms (hip hop/ R&B/ rap) (*Thổi bùng tâm trí bằng những giai điệu mạnh mẽ*)

Phim ảnh

Do you like watching films? (*Bạn có thích xem phim không?*)

A – Speaking of films, yes, I am a big fan of types of films, such as... (*Vâng, tôi là một fan hâm mộ của các thể loại phim như là ...*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

What – comedy, action, romance, sci-fi, vampire, zombie, animation (*hài hước, hành động, tình cảm, ...*)

Where – Normally, I enjoy watching films at cinemas, for it has a better atmosphere with better sound/visual effects. (*Thông thường tôi tận hưởng việc xem phim tại rạp bởi vì nó có một bầu không khí tốt hơn với hiệu ứng âm thanh hình ảnh tốt hơn*)

When and Who – When I am available during weekends, I like to see a film with my bestie/girlfriend/boy friend (*Khi tôi rảnh lúc cuối tuần, tôi thích xem một bộ phim với bạn thân/bạn trai/bạn gái*)

Why – I love watching films simply because I can/ it can... (*Tôi thích xem phim đơn giản bởi vì*)

- ✓ Cheer myself up/amuse myself/relax myself/release my pressure (comedy) (*Vui vẻ/ giải trí/ thư giãn/ giải tỏa áp lực*)
- ✓ Escape from my daily life and experience something that can hardly happen in real life (*Thoát khỏi sinh hoạt thường nhật và trải nghiệm những thứ không có trong đời thật*)
- ✓ Have a blast and blow my mind (*Cuốn hút tâm trí tôi*)
- ✓ Boost my imagination and please my eyes with visual effects (*Tăng cường trí tưởng tượng và làm mãn nhãn vì hiệu ứng hình ảnh*)
- ✓ Maintain my childhood interest (*Duy trì niềm vui tuổi thơ*)
- ✓ Provoke thought towards humanity and life (*Gợi suy từ về nhân sinh*)
- ✓ Broaden my horizon and enrich my knowledge (*Mở rộng tầm nhìn và làm giàu kiến thức*)

Du lịch

Do you like travelling? (*Bạn có thích du lịch không?*)

A – Undoubtedly yes, travelling is my most favorite (*Không nghi ngờ gì nữa, du lịch là thứ yêu thích nhất của tôi*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

When – Who – When I am free from study, I like to travel to different places with my friends or family members (*Khi tôi rãnh rang khỏi việc học, tôi thích đi du lịch đến những địa điểm khác nhau với bạn bè hoặc là thành viên trong gia đình mình*)

Where – We make trips to big cities like Nha Trang, ancient towns like Hoi An in Quang Nam Province (*Chúng tôi thực hiện chuyến đi đến các thành phố lớn như Nha Trang, phố cổ Hội An ở tỉnh Quảng Nam*)

Why – Through travelling, I can... (*Bằng cách du lịch, tôi có thể*)

- ✓ Meet different people/try different food/experience another culture (*Gặp gỡ nhiều khác nhau/ thử món ăn khác nhau/ trải nghiệm nền văn hóa khác nhau*)
- ✓ Have a sense of freshness and newness (*Có cảm giác mới lạ*)
- ✓ Escape from daily life routines (*Thoát khỏi sinh hoạt thường nhật*)
- ✓ Get myself well prepared for the future overseas life (*Chuẩn bị tốt cho cuộc sống nước ngoài trong tương lai*)
- ✓ Achieve my lifelong dream of taking a round-the-world tour (*Thực hiện được ước mơ cá đài của tôi đó là đi du lịch vòng quanh thế giới*)

Chơi thể thao

Do you like doing sport? (*Bạn có thích chơi thể thao không*)

A – Absolutely yes, I am greatly fascinated by all sorts of sport, including... (*Tất nhiên là có rồi, tôi thực sự đam mê mọi môn thể thao, bao gồm...*)

What – badminton, billiards, jogging, hiking, cycling, skiing, skating, swimming

Who – Where – Occasionally, I play basketball with my classmates/ roommates on the basket-ball court/ in the stadium (*Thỉnh thoảng tôi chơi bóng rổ với bạn trong lớp/phòng ở sân bóng rổ hoặc ở sân vận động*)

Why – I find sport beneficial in a variety of ways. For example, playing sport, I can:

- ✓ Relax myself/release my pressure/release study burdens/ease tiredness (*Thu giãn/ giải tỏa áp lực/ giảm gánh nặng học tập/ bớt mệt mỏi*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- ✓ Keep fit/keep in good shape/lose weight/build my body (*Giữ sức khỏe/ giữ dáng/ giảm cân/ rèn luyện cơ thể*)
- ✓ Strenhthen teamwork spirit and improve co-operation skills (*Tăng cường tinh thần đồng đội và cải thiện các kỹ năng hợp tác*)
- ✓ Socialise / interact with my peers (*Giao tiếp với bạn đồng trang lứa*)
- ✓ Learn the concept of winning and losing/ maintain a sence of competition (*Hiểu khái niệm thắng thua/ duy trì tinh thần thi đấu*)

Đọc sách báo

Do you like reading? (*Bạn có thích đọc sách báo không*)

A – Yes, I Love reading

What – I normally read novels, newspapers, magazines, and textbooks. (*Tôi thường đọc tiểu thuyết, sách báo...*)

Where – When – While I am on a coach, reading is what I usually do to kill time (*Khi tôi ngồi trên xe khách, đọc sách là thú mà tôi hay làm để giết thời gian*)

Why – Reading, essentially, is a part of my daily life since reading can...

- ✓ Broaden my horizon (*Mở rộng tầm nhìn*)
- ✓ Enrich my knowledge
(*Làm giàu kiến thức*)
- ✓ Help me keep us with the latest news and information (*Giúp cập nhật tin tức*)
- ✓ Cultivate my way of thinking (dependent/critical/creative/analytical) (*Rèn luyện tư duy*)
- ✓ Enlighten my mind/set a fire in my mind (*Khai sáng trí tuệ*)
- ✓ Add a bit of fun to my life (*Thêm chút niềm vui cho cuộc sống*)

Đi mua sắm

Do you like shopping? (*Bạn có thích mua sắm không?*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

A – Oh, when it comes to shopping, I have to say that I am really a shopaholic. (*Ô, khi nói đến mua sắm thì tôi phải nói tôi là một người nghiện mua sắm*)

When – Where – In my spare time, I like to go to shopping at a mall, a convenience store, a grocery store, a supermarket, a department store, or go shopping online. (*Trong thời gian rảnh rỗi thì tôi thích mua sắm ở trung tâm mua sắm hoặc là mua sắm trên mạng*)

What – Mostly, I shop for daily necessities, like cosmetics, skin care products, fashion stuff, snacks, clothes, sneakers, etc. (*Phần lớn, tôi mua sắm cho những thứ cần thiết hàng ngày như mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc da, đồ thời trang, thức ăn nhẹ, quần áo, giày thể thao...*)

Why – I love shopping for a variety of reasons; for example, I can...

- ✓ Relax myself/release my pressure
(*Thư giãn/ giải tỏa áp lực*)
- ✓ Meet my requirements on a daily basis
(*Dáp ứng các nhu cầu hàng ngày của bản thân*)
- ✓ Get a sense of satisfaction (*Có cảm giác thoái mái*)
- ✓ Buy myself a brand-new dress/ try on different clothes (*Mua cho mình một chiếc đầm mới tinh/ mặc thử quần áo khác nhau*)
- ✓ Have an opportunity to catch up with beasties (*Có dịp theo kịp bạn bè*)
- ✓ Catch up with the latest trend and fashion (*Theo kịp xu hướng thời trang mới nhất*)
- ✓ Facilitate my daily life with new technologies (*Giảm bớt những khó khăn trong sinh hoạt thường nhật bằng các công nghệ mới.*)

Travel

Do you like travelling? (*Bạn có thích đi du lịch không?*)

A – Yes, I guess everyone enjoys travelling, and I am no exception. (*Có, tôi đoán là mọi người thích du lịch và tôi cũng không phải là ngoại lệ*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

When – Who – Normally, in my spare time, I may travel to different places with my parents or my best friends. (*Thông thường là trong thời gian rảnh, tôi có thể đi đến nhiều địa điểm khác nhau với bố mẹ mình hoặc là bạn thân*)

Where – I have travelled to many places, including coastal cities like Phu Quoc Island, minority gathering areas like Sa Pa and. I also went to Cambodia last summer vacation. (*Tôi đã từng đi đến nhiều địa điểm, bao gồm các thành phố ven biển như là đảo Phú Quốc, những vùng thiểu số như Sapa. Tôi cũng đã đến Campuchia mùa hè năm ngoái*)

Why – I like travelling since it definitely brings me heaps of benefits. (*Tôi thích đi du lịch bởi vì nó đem lại cho tôi nhiều ích lợi như...*)

1st reason: Firstly, my horizon can be greatly broadened as I can meet different people from different places, try different food, and even learn different languages and cultures (*Đầu tiên là tầm nhìn của mình có thể được mở rộng khi tôi có thể gặp gỡ nhiều người từ mọi nơi khác nhau, thử các loại thức ăn và thậm chí là học các ngôn ngữ và phong tục khác nhau*)

2nd reason: Besides, I always regard travelling as a perfect chance for me to get away from my daily life routines. You know, life gets monotonous if you stay in one place all year long. (*Ngoài ra, tôi luôn cho rằng du lịch là cơ hội tuyệt vời cho mình để tránh xa khỏi guồng quay của đời sống hằng ngày. Bạn biết đấy, cuộc sống trở nên nhảm chán nếu bạn ở yên một chỗ suốt cả năm*)

Lợi ích của du lịch :

- ✓ Broaden horizon (*Mở rộng tầm nhìn*)
- ✓ Unwind/relax/release pressure (*Thu giãn/giải tỏa áp lực*)
- ✓ Escape from daily life routines (*Thoát khỏi sinh hoạt thường nhật*)
- ✓ Boost family/friend bonding (*Thắt chặt quan hệ gia đình/bạn bè*)
- ✓ Experience new customs/visit sceneries (*Trải nghiệm phong tục mới/tham quan*)
- ✓ Meet personal needs, like shopping/visiting friends or relatives (*Dáp ứng các nhu cầu cá nhân như mua sắm/thăm bạn bè hoặc họ hàng*).

Do you prefer to travel alone or with others?

Đưa ra quan điểm	Well, normally, I prefer travelling with others (<i>Tôi thích du lịch hơn là mấy cái khác</i>)
Nêu lý do	Simply because I may share many things, such as accommodation, transport, and even laughter, with my mates during the trip (<i>Đơn giản bởi vì tôi có thể chia sẻ nhiều thứ như chỗ trọ, phương tiện và thậm chí có thể vui cười với bạn bè trong suốt cuộc hành trình</i>)
Nêu giả định	If I travel alone, I guess I will be lonely and I may even be helpless when there is a trouble (<i>Nếu tôi đi du lịch một mình tôi đoán tôi sẽ cô đơn và thậm chí là không tự lo liệu được</i>)
Đề cập mặt đối lập	However, occasionally, travelling alone can be more flexible and free, and I won't need to get with other people (<i>Tuy vậy, du lịch một mình thi thoảng có thể linh hoạt và tự do và tôi không cần phải đi với bất kỳ ai cả</i>)
Kết luận	So, it depends on my mood, but mostly, I prefer travelling in a group (<i>Vì thế nên nó còn tùy thuộc vào tâm trạng của tôi nữa. Tôi thích đi du lịch với nhóm hơn</i>)

Transport

What is your favorite mode of transport? (*Phương tiện đi lại yêu thích của bạn là gì?*)

There is a variety of transport choices in my city, including..., and my most commonly used one is... (*Có rất nhiều sự lựa chọn trong việc duy chuyển ở thành phố của tôi, bao gồm... và thứ tôi hay sử dụng nhất là...*)

Từ vựng

Commuter (<i>người đi lại hàng ngày bằng phương tiện công cộng</i>)	Commute (<i>đi lại hàng ngày bằng phương tiện công cộng</i>)
Metro/subway/tube (<i>tàu điện ngầm</i>)	Cruise/passenger liner (<i>tàu du lịch</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Train (<i>Tàu hỏa</i>)	Light rail (<i>tàu hỏa hạng nhẹ</i>)
Ferry (<i>phà</i>)	Double-deck bus (<i>xe buýt 2 tầng</i>)
Hydrofoil (<i>tàu cánh ngầm</i>)	Minibus (<i>xe buýt nhỏ</i>)
Shuttle bus (<i>xe buýt tuyến</i>)	Long-haul coach (<i>xe khách đường dài</i>)
Express train (<i>tàu hỏa tốc hành</i>)	High-speed rail (<i>tàu cao tốc</i>)
Private jet (<i>máy bay riêng</i>)	Yacht (<i>du thuyền</i>)

What kind of transport would you choose when taking a long-distance trip? (*Loại phương tiện duy chuyển nào mà em sẽ chọn trong chuyến đi xa*)

Dựa ra quan điểm	Personally, I would choose airplane as my priority for a long-distance trip (<i>Theo cá nhân thì tôi sẽ chọn máy bay như là phương án của mình nếu đi chuyến đi xa</i>)
Nêu lý do	Apparently, airplane is the fastest way of transport, and I don't need to waste my time on the trip (<i>Rõ ràng máy bay là phương tiện duy chuyển nhanh nhất và tôi không cần phải tốn thời gian cho chuyến đi</i>)
Nêu ví dụ và giả định	For example, I am planning to study overseas; if I use others forms of transport instead of airplane, say, ship, it will be ridiculous since it might take me several months to get there. (<i>Ví dụ như tôi đang có kế hoạch du học. Nếu tôi sử dụng phương tiện duy chuyển khác thay vì máy bay như là thuyền đi, nó sẽ rất kì quặc bởi vì nó tốn tôi vài tháng để đến đó mất</i>)
Kết luận	So, it seems like airplane is the only choice left for me to reach my destination

Driving

Do you have a driving license? (*Bạn có bằng lái xe chưa?*)

Yes, I got my driving license when I was 20 years old, and currently, I am thinking of buying a car as long as my work is set. (*Rồi, tôi có nó khi tôi 20 tuổi và hiện tại tôi đang suy nghĩ việc mua xe khi tôi có việc*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Do you prefer to be a driver or a passenger? (*Bạn thích là người lái hơn hay là hành khách hơn*)

Đưa ra quan điểm	Normally, I prefer to be a passenger (<i>Thông thường tôi thích là hành khách hơn</i>)
Nêu lý do	Mainly because it is less stressful. I don't need to focus my attention on the traffic situation, and I can spend time doing something like playing games on my phone (<i>Chủ yếu bởi vì nó ít áp lực hơn. Tôi không cần phải tập trung chú ý tình huống giao thông và tôi có thể giành thời gian làm những việc như chơi game trên điện thoại</i>)
Nêu ví dụ và giả định	For example, if I am a driver, I may lose my way or get stuck in a traffic jam, which could be really annoying (<i>Ví dụ như tôi là một người lái đi, tôi có thể lạc đường hoặc bị kẹt xe, thử mà cực kỳ khó chịu</i>)
Đề cập mặt đối lập	Yet, I do agree that driving sometimes can bring me lots of joy and freedom; for example, I can take a self-drive tour to nearby towns (<i>vâng, tôi đồng ý rằng việc lái xe thỉnh thoảng có thể cho tôi nhiều niềm vui và tự do, ví dụ như tôi có thể tự lái đến một thị trấn gần đó</i>)
Kết luận	All in all, being a passenger is my preference (<i>Nói tóm lại, là một hành khách là sở thích của tôi</i>)

Holiday/Weekend

How often do you have holidays? (*Bạn có kỳ nghỉ thường xuyên như thế nào*)

Well, normally, since I am still a college student, there are two periods when I can have long holidays, which are the summer holiday and Lunar New Year holiday (*Bởi vì tôi là sinh viên đại học nên thường có 2 giai đoạn mà tôi có thể có kỳ nghỉ dài đó là nghỉ hè và nghỉ té*)

What will you do during holidays? (*Bạn sẽ làm gì trong suốt kì nghỉ lễ*)

During holidays, I like to go travelling, just as many other young people. Besides, I also try to find a part-time job or an intern job. Since I am about to hunt for a job in

BEGIN AGAIN

ENGLISH

the coming year, it is pretty necessary to enrich work experience. (*Suốt kì nghỉ lễ, tôi thích đi du lịch như những người trẻ khác. Ngoài ra tôi cũng tìm một công việc bán thời gian hoặc là công việc thực tập. Bởi vì tôi đang định tìm một công việc trong năm tiếp theo, nó khá cần thiết để làm giàu kinh nghiệm của mình*)

Is it important to have holidays? (*Kì nghỉ có quan trọng hay không?*)

Đưa ra quan điểm	Yes, absolutely yes, having holidays is really necessary (<i>Có, tất nhiên là có rồi, có một kì nghỉ thực sự rất cần thiết</i>)
Nêu lý do	Mainly because holidays give us a chance to rest, and we can do whatever we want to (<i>Chủ yếu bởi vì là nghỉ lễ cho chúng ta cơ hội để thư giãn và chúng ta có thể làm bất cứ gì chúng ta muốn</i>)
Nêu ví dụ	For example, we can learn new skills, travel to different places, or spend time with my parents, and after the holiday, we will be revitalised and refreshed for study or work (<i>Ví dụ như, chúng ta có thể học kỹ năng mới, du lịch đến các nơi khác nhau hoặc là giành thời gian cho bố mẹ và sau kì nghỉ chúng ta đã được làm mới để học tập và làm việc</i>)
Đề giả định	Without holidays, I guess we would probably be exhausted and have no time for adjustment (<i>Nếu không có nghỉ lễ, tôi đoán chúng ta có thể bị kiệt sức và không có thời gian để điều tiết</i>)
Kết luận	So, holidays are vital for everyone

VSTEP SPEAKING PART 2
SOLUTION DISCUSSIONS

Question requirements

In this part of the test, you are given **A SITUATION** and **THREE OPTIONS** for you to choose from. You need to decide on **THE BEST** choice and **JUSTIFY** your opinion (*Ở phần này của bài thi, các em sẽ được đưa ra một tình huống với 3 sự lựa chọn để chọn. Các em cần phải chọn phương án tốt nhất và biện hộ ý kiến của mình*)

Example

Your family is planning on a holiday. There are three options that are reasonable to your family time and financial budget: three-day trip to a foreign country, four-day trip to a mountainous area, and a two-day trip at a beach resort. What do you think is the best choice? (*Gia đình của em đang lên kế hoạch cho kì nghỉ. Có 3 phương án phù hợp cho gia đình của em về thời gian và tiện bạc : chuyến đi 3 ngày đến nước ngoài, chuyến đi 4 ngày đến khu vực miền núi và chuyến đi 2 ngày ở khu nghỉ dưỡng gần biển*)

- **Situation:** Your family is planning on a holiday
(Tình huống: Gia đình của em đang lên kế hoạch cho kì nghỉ)
- **Options:** There are three options that are reasonable to your family time and financial budget: three-day trip to a foreign country, four-day trip to a mountainous area, and a two-day trip at beach resort
(Phương án : Có 3 phương án phù hợp cho gia đình của em về thời gian và tiện bạc : chuyến đi 3 ngày đến nước ngoài, chuyến đi 4 ngày đến khu vực miền núi và chuyến đi 2 ngày ở khu nghỉ dưỡng gần biển)

Requirement: Which do you think is the best choice?
(Yêu cầu: Em nghĩ cái nào là sự lựa chọn tốt nhất?)

Answering method (*Phương pháp trả lời*):

Step 1: Analyze the topic. (*Phân tích chủ đề*) (1 minute)

- Choose the option that you have more ideas (not the one you interested in)
(Chọn phương án mà em có nhiều ý tưởng nhất chứ không phải cái mà em quan tâm)
- List 2 advantages (reasons) of the option you choose and disadvantages of the 2 remain options
(Liệt kê 2 lợi ích/ lý do của phương án mà em chọn và bất lợi của 2 cái còn lại)

Step 2: Answer the question (*trả lời câu hỏi*)

- Introduction : (paraphrase the statement) State the option you choose
(Giới thiệu : Phát biểu phương án em chọn)
- Body : state 2 advantages and compare with the other 2 options
(Phát biểu 2 lợi ích và so sánh với 2 cái phương án còn lại)
- Conclusion : Summarize your choice
(Kết luận : tóm tắt sự lựa chọn của em)

Note:

- Don't try to complicate your ideas, Make it straightforward, simple and easy to understand
(Đừng cố gắng phức tạp hóa ý kiến của mình. Làm cho nó đúng trọng tâm, đơn giản và dễ hiểu)
- Compound and complex sentences are welcome
(Phức tạp hóa các câu được khuyến khích)
- Try to speak without hesitation. Choose the option that you find it easier to explain and support rather than choose what you like
(Có gắng nói mà không do dự. Chọn sự lựa chọn mà em thấy là dễ trình bày và hỗ trợ hơn là chọn cái mình thích)
- Try to maintain eye contact with the examiner during your talk
(Có gắng duy

BEGIN AGAIN

ENGLISH

trì tiếp xúc bằng mắt với giám thị trong suốt quá trình nói)

Languages features:

1. Comparatives and superlatives (to show the similarities and differences between the options, try to highlight the most outstanding features of your option) (*Sử dụng so sánh hơn và so sánh nhất để diễn tả sự giống và khác nhau giữa các sự lựa chọn, có gắng làm nổi bật điểm đáng chú ý trong sự lựa chọn của mình*)
2. Signal words to list the reasons and support to create coherence within your answer (*Sử dụng các từ tín hiệu để liệt kê các lý do và hỗ trợ hình thành sự liên kết với câu trả lời*)

Sample answer

Question:

You are 18 now and you have the right to decide on what kind of accommodation you want. There are three options for you to choose from: living with your parents, living with your close friends in a rented house and living in the dormitory. Which do you think is the best? (*Bạn bây giờ 18 tuổi và có quyền quyết định chỗ ở mà mình muốn. Có 3 sự lựa chọn: sống với bố mẹ của mình, sống với bạn thân ở trọ và sống ở ký túc xá. Cái nào mà bạn nghĩ là tốt nhất?*)

Sample :

As for me, living in the dormitory is an ideal choice because of two main reasons. First, it will be more convenient and effective for my study. I don't have to waste time travelling to campus as when living with my parents or with my friends in a rented house. I can also get accessed to study facilities such as library or computer labs much more easily. Second, living in the dormitory will help me to enjoy my student life to the fullest. There are many fun activities on campus which students living at home or outside the university may find it harder to participate in. I can also build a larger network of friends because many students live in the dormitory (*Đối với tôi, sống ở ký*

BEGIN AGAIN

ENGLISH

túc xá là một lựa chọn lý tưởng bởi vì 2 lý do chính. Đầu tiên, sẽ tiện nghi và hiệu quả hơn cho việc học của tôi. Tôi không phải tốn thời gian để đi đến trường học khi sống với bố mẹ hoặc với bạn ở trọ. Tôi cũng có thể tiếp cận được các phương tiện học tập như là thư viện hoặc là máy tính phòng thí nghiệm dễ dàng hơn. Thứ 2, sống ở ký túc xá sẽ giúp tôi tận hưởng đời sống sinh viên một cách đầy đủ. Có rất nhiều hoạt động vui ở trường mà sinh viên sống ở nhà hoặc bên ngoài trường có thể khó để tham gia. Tôi cũng có thể tạo nên một mạng lưới bạn bè rộng lớn bởi vì có rất nhiều sinh viên sống ở trong ký túc xá)

ESSENTIAL LANGUAGE FOR VSTEP SPEAKING – PART 2

1. Appropriate language for compare and contrast structures:

(Từ ngữ thích hợp dung trong cấu trúc so sánh và tương phản)

Function	vocabulary	Sample sentence frames
Compare	both same also like analogous to similar similarly alike whereas each likewise just as in the same way akin to as well as on a similar noteandboth have.... Both And.... Are....? ... and... are the same because...?also has... ...is like ... because....? Similarly ... is.... ...is similar to ... in many ways because ... and ... Whereas ...is ..., ... is and...? ... and ...are alike because...is just as difficult as... because...
Contrast	Different But Although Different from However One difference On the other hand In comparison By comparison Instead of	...is Different than.... Because... ...is ..., but... is ... Although ...has..., ... has is However, ...is... ... is.... on the other hand, ..is... Even though... has...,... has... ... and... differ because... ... is unlike ... because has..., yet... has... ... is on the contrary, ...is...

BEGIN AGAIN

ENGLISH

	In contrast to Conversely Even though Unlike On the contrary Yet Despite Differ Variation otherwise	Despite having ..., ... is different because ... One variation between... and... is that ... has...
--	--	--

2. Appropriate language to express “advantages” (*Từ ngữ thích hợp để diễn tả lợi ích*): clear benefits, obvious plus point, further merit,...

- a. Begin with an opening linking phrase that explains that “there are many advantages”. (*Bắt đầu bằng cách sử dụng cụm từ liên kết để giải thích “Có rất nhiều lợi ích”*)
 - Well I suppose that there are quite a few clear benefits.
 - Clearly there are a number of obvious merits.
 - Obviously there are a number of positive features.
- b. Now, highlight the most obvious advantage: (*Bây giờ làm nổi bật lợi ích nổi bật nhất*)
 - But I would probably say that the one thing that really stands out is that ...
 - But it goes without saying that the most apparent would be that...
 - Although I guess that the most visible would be that...
 - However, I guess that the most evident would be that...
- c. Now develop this advantage with one of the following structures (*Bây giờ phát triển lợi ích này với một trong những cấu trúc sau*)
 - This is obviously favorable because
 - This is undoubtedly positive for the simple reason that...

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- This is without doubt beneficial because...
- d. Now introduce your second advantage (*Giới thiệu lợi ích thứ hai của em*) :
 - At the same time a second bonus might be that...
 - Besides this, a second plus point could be that...
 - As well as this a further favorable aspect would be that...
- e. Add a simple sentence to explain the advantage and develop it with one of the following (*Thêm một câu ví dụ để giải thích lợi ích đó và phát triển nó với một trong những câu sau*)
 - This is clearly advantageous because...
 - This is definitely valuable since...
 - This is surely a positive feature because...

NOTE: for most questions, two advantages should be enough to produce a good quality answer. There is no need to list every advantage. (*đối với phần lớn các câu hỏi, 2 lợi ích là đủ để tạo thành một câu trả lời đầy đủ. Không cần phải liệt kê mọi lợi ích ra*)

3. Appropriate language to express “disadvantages” : drawback, shortcoming, limitation... (*Tù ngữ thích hợp để diễn tả những bất lợi*)

SUGGESTED STRUCTURES FOR DESCRIBING DISADVANTAGES OF SOMETHING (*Cấu trúc gợi ý để diễn tả những điều bất lợi của thứ gì đó*)

- a. Begin with a linking structure to explain that there are some disadvantages (*Bắt đầu bằng một cấu trúc liên kết để giải thích rằng có một số bất lợi*)
 - I think it's fair to say that there are few negative aspects.
 - I'm sure most people would agree that there are some drawbacks.
 - Of course there are a couple of shortcomings.
- b. Now introduce your main disadvantage (*Bây giờ nói về điểm bất lợi chính*)
 - I guess the most impractical characteristic would be that...
 - I suppose the most unfavorable quality might be that..
 - Unquestionably, the most adverse feature would be that...

- c. Now use a linking structure to develop this disadvantage (*Sử dụng một câu trúc liên kết để phát triển điểm bất lợi này*)
- Most people would agree that this is problematic because...
 - This is an obvious weakness because...
 - This is a clear limitation because...
- d. Now describe your second disadvantage (*Bây giờ mô tả điểm bất lợi thứ hai*)
- Correspondingly, an additional weak point might be that...
 - Supplementary to this, a further handicap may be that...
 - At the same time, another stumbling block might be that
- e. Add a simple sentence to explain the disadvantage and develop it with one of the following (*Thêm một câu ví dụ để giải thích điểm bất lợi và phát triển nó với một trong những câu sau*)
- And the trouble with this is that...
 - This can be a hassle because...
 - This is usually an aggravation because...

ADDITIONAL STRUCTURE TO CONVEY YOUR IDEAS (*Câu trúc thêm để truyền đạt ý của các em*)

- State your opinion (*Phát biểu ý kiến của mình*)

I suppose I would choose A as the most suitable choice (method , means)...

Certainly/ obviously/ A would be the ultimate option...

A is the option that suits me most...

- Explain your choice by giving two advantages (*Giải thích sự lựa chọn của các em bằng cách đưa ra 2 lợi ích*)

This is due to / because of two main factors.

Clearly/ obvious, there are two mains reason for my choice.

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- **Present 2 other options (*Giới thiệu thêm 2 sự lựa chọn khác*)**

It is also suggests that I choose B and C...

My friends/ many/ several recommend that ...

However, I was recommended that... because...

- **Present the pros of B and C (*Đưa ra những thuận lợi của B và C*)**

Regarding B, it can't be denied that/ undeniably ...

C is clearly effective since/ as/ for ...

- **Present the cons of B and C (*Đưa ra những bất lợi của B và C*)**

As compared to A / in comparison with A,....

Conversely, B/C is not suitable ...

Despite the plus points, B/C are not the ultimate options due to....

In spite off the positive, B / possesses several shortcoming.

- **Present the disadvantage of A and rebut (for rebuttal you may use the two tips presented in class) (*Đưa ra điểm bất lợi của A và bác bỏ nó*)**

It is clear that A ...; however, considering ...

I must admit that A has one downside regarding ..., however,...

Even though ..., I still opt for this because...

Even though A is..., it is solvable...

Compared to B and C, A ...; however...

Example question for VSTEP speaking part II

1. You are going to invite your friends to your birthday party, but you are wondering where to hold your party: at your house? At a restaurant? or at a karaoke? (*Bạn đang định mời bạn bè của mình đến bữa tiệc sinh nhật, nhưng bạn đang phân vân nên tổ chức bữa tiệc ở đâu: ở nhà của bạn? ở nhà hàng? hay ở quán karaoke?*)
2. Your family is planning on a holiday. There are three options that are reasonable to your family time and financial budget: three – day trip to a foreign country, four-day trip to a mountainous area, and a two-day trip at a beach resort. What do you think is the best choice? (*Gia đình của em đang lên kế hoạch cho kì nghỉ. Có 3 phương án phù hợp cho gia đình của em về thời gian và tiện bạc: chuyến đi 3 ngày đến nước ngoài, chuyến đi 4 ngày đến khu vực miền núi và chuyến đi 2 ngày ở khu nghỉ dưỡng gần biển*)
3. One of your classmates is having a trouble choosing another foreign language to study for some credits at university and asks you for your opinion. Between Spanish, Japanese and Thai, which one would be the best? (*Một trong những bạn cùng lớp của em đang gặp khó khăn trong việc lựa chọn ngoại ngữ nào nên học cho một số học phần ở đại học và hỏi bạn để xin ý kiến. Giữa tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nhật và tiếng Thái, cái nào em nghĩ là tốt nhất*)
4. Your family is planning on overseas trip this Christmas. However, you and your family are still concerning about how long the trip would last. Between 3 days, 5 days and one week. Which one might be the best selection? (*Gia đình của em đang lên kế hoạch cho chuyến đi nước ngoài vào dịp Giáng sinh này. Tuy vậy, em và gia đình của mình vẫn đang lo chuyến đi sẽ kéo dài trong bao lâu. Giữa 3 ngày, 5 ngày và 1 tuần. Em nghĩ cái nào sẽ là sự lựa chọn tốt nhất*)
5. An older couple is going away for their 40th wedding anniversary. They are considering three options: a day hike in the mountains, a luxurious cruise around the Mediterrean, a spa get away at a beach? Which do you think would be the most suitable? (*Một cặp tình nhân lớn tuổi đang định đi xa để kỷ niệm 40 năm ngày cưới của họ. Họ đang suy xét 3 sự lựa chọn: đi bộ trên núi,*

BEGIN AGAIN

ENGLISH

(chuyến đi chơi biển sang chảnh ở xung quanh Mediterrean, hoặc đi Spa cách xa biển. Em nghĩ cái nào là thích hợp nhất)

6. The youth club in your neighborhood intends to introduce a new activity for teenager in the area. They are considering three options: drama, chess and photography. Which do you think would be the most suitable for teenager in your area. (*Câu lạc bộ tuổi trẻ trong khu vực của em định giới thiệu một hoạt động mới cho thanh thiếu niên trong khu vực. Họ đang cân nhắc 3 lựa chọn : kịch, chơi cờ, nhiếp ảnh. Em nghĩ cái nào là phù hợp nhất cho thanh thiếu niên trong khu vực?*)
7. In order to raise student's awareness of world affairs, the principle of a high school in your neighborhood wants teacher to design a project on one of the following themes: climate change, terrorism and discrimination. Which do you think would be suitable for the project? (*Để nâng cao nhận biết của học sinh về các vấn đề trên thế giới, hiệu trưởng của trường cấp 3 muốn giáo viên thiết kế một dự án theo một trong những chủ đề sau : biến đổi khí hậu, sự phân biệt đối xử và khủng bố. Em nghĩ cái nào sẽ thích hợp cho dự án?*)
8. The local council having extra funds wants to improve the area. Here are some suggestions on how the money can be spent: a sports center, a library and a park. Which do you think would be suitable for your area? (*Hội đồng địa phương đang có một quỹ phụ để phát triển khu vực. Đây là một số gợi ý nên sử dụng tiền như thế nào: một trung tâm thể thao, thư viện và công viên. Em nghĩ cái nào sẽ phù hợp nhất với khu vực của mình?*)
9. This summer you and your friends are planning to go on a trip through Vietnam. Here are three means of transport you are considering: car, train and plane. Which would be best option in your opinion? (*Mùa hè này em và các bạn của mình đang lên kế hoạch cho một chuyến đi xuyên Việt Nam. Đây là một trong 3 phương tiện gợi ý: xe hơi, tàu hỏa và máy bay. Theo ý của em cái nào là sự lựa chọn tốt nhất?*)
10. You are planning on buying a house, there are three options that need consideration; well-equipped apartment on the 30th floor of a condominium in the city center; a three-floor house in the suburbs without any furniture , and a

BEGIN AGAIN

ENGLISH

single-floor with full furniture. What do you think is the best choice? (*Em đang lên kế hoạch mua một căn nhà, có 3 sự lựa chọn cần được cân nhắc: một căn hộ trang bị tốt ở tầng 30 trong khu chung cư ở trung tâm thành phố, một căn nhà 3 tầng ở ngoại ô không có bất kỳ đặc điểm nào cả, và nhà một tầng với đầy đủ đồ đạc. Em nghĩ cái nào là lựa chọn tốt nhất?*)

11. A group of friends is discussing ways to improve listening skill. Three possible options are watching movie on movie star, listening to radio programs and conversing with foreigners. Which way do you think is the best option? (*Một nhóm bạn đang thảo luận cách để cải thiện kỹ năng nghe. 3 sự lựa chọn có thể lựa chọn đó là xem trên kênh movie star, nghe chương trình radio và hội thoại với người bản ngữ. Em nghĩ cách nào là tốt nhất?*)
12. A group of people are discussing ways to protect the environment. Three possible options are go to school or work by bicycle, recycle all bottles, cans and paper and buy locally made goods whenever possible. What way do you think is the best choice? (*Một nhóm bạn đang thảo luận về cách bảo vệ môi trường. 3 sự lựa chọn có thể chọn đó là đến nơi làm việc và học tập bằng cách đi xe đạp, tái chế tất cả các chai, lọ giấy. Em nghĩ cách nào là tốt nhất?*)
13. Your class is going to get together and celebrate when exams are over. You and your friends have been asked to decide to have a picnic, a party at someone's house or a meal at a restaurant. Which options do you think is the best choice? (*Lớp của em đang ở cùng nhau và ăn mừng khi các bài kiểm tra đã kết thúc. Em và các bạn của mình được hỏi để quyết định có một cuộc picnic, một bữa tiệc ở nhà ai đó hoặc một bữa ăn tại nhà hàng. Em nghĩ sự lựa chọn nào là tốt nhất?*)
14. Some of your friends are thinking about a place to go on holiday. Which of three places do you think is the best options: sandy beach for sunbathing, picturesque mountainous area for picnic or recreational center for risky sports? (*Một số người bạn của em đang nghĩ về một nơi để đến cho kì nghỉ. Cái nào trong 3 địa điểm sau em nghĩ là tốt nhất : biển đầy cát để phơi nắng, khu vực vùng núi đẹp để dã ngoại hay trung tâm giải trí cho các thể thao mạo hiểm*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

15. One of your friends has problem with his/ her sleep. What would you recommend him/ her to do to better sleep: counting sheep, reading before bed, listening to classical music? (*Một trong số người bạn của em có vấn đề về giấc ngủ của cô ấy/ cậu ấy. Bạn sẽ khuyên người ấy làm gì? đếm cừu, đọc sách trước khi ngủ, nghe nhạc cổ điển*)
16. Your friends are discussing ways to make donations for charitable organizations. Three options are donating old clothes, produce hand- made crafts and sell for money, giving food. Which do you think is the best option? (*Bạn của em đang thảo luận cách để lập quỹ cho tổ chức từ thiện. 3 sự lựa chọn đó là : quyên góp quần áo, làm khăn chòang và bán lấy tiền, hỗ trợ đồ ăn*)
17. You and your friends are going to go out tonight. Which places would you like to go to: the cinema, shopping center, recreation center? (*Em và các bạn của mình đang định đi ra ngoài tối này. Nơi nào mà em thích đi : rạp chiếu phim, trung tâm mua sắm, trung tâm giải trí*)
18. You and your friends are making hand-made crafts for charitable fund-raising. You are thinking how to advertise your products: using Facebook, distributing leaflets, sending emails/ text messages. Which options do you think is the best choice. (*Em và các bạn của mình đang làm một số đồ thủ công để lập quỹ từ thiện. Em đang suy nghĩ cách nào để quảng bá sản phẩm của mình: sử dụng facebook, phân phát tờ rơi, gửi email/tin nhắn. Em nghĩ lựa chọn nào là tốt nhất?*)
19. You feel sorry for the mistake you've made with a friend. You want to make apology but don't know if a telephone call, a text message or handing writing letter can do best. (*Bạn đang cảm thấy có lỗi bởi vì sai lầm mắc phải với bạn của mình. Bạn muốn xin lỗi nhưng không biết bằng cách nào: gọi điện thoại, gửi tin nhắn hoặc là thư viết tay?*)

VSTEP SPEAKING PART 3

TOPIC DEVELOPMENT

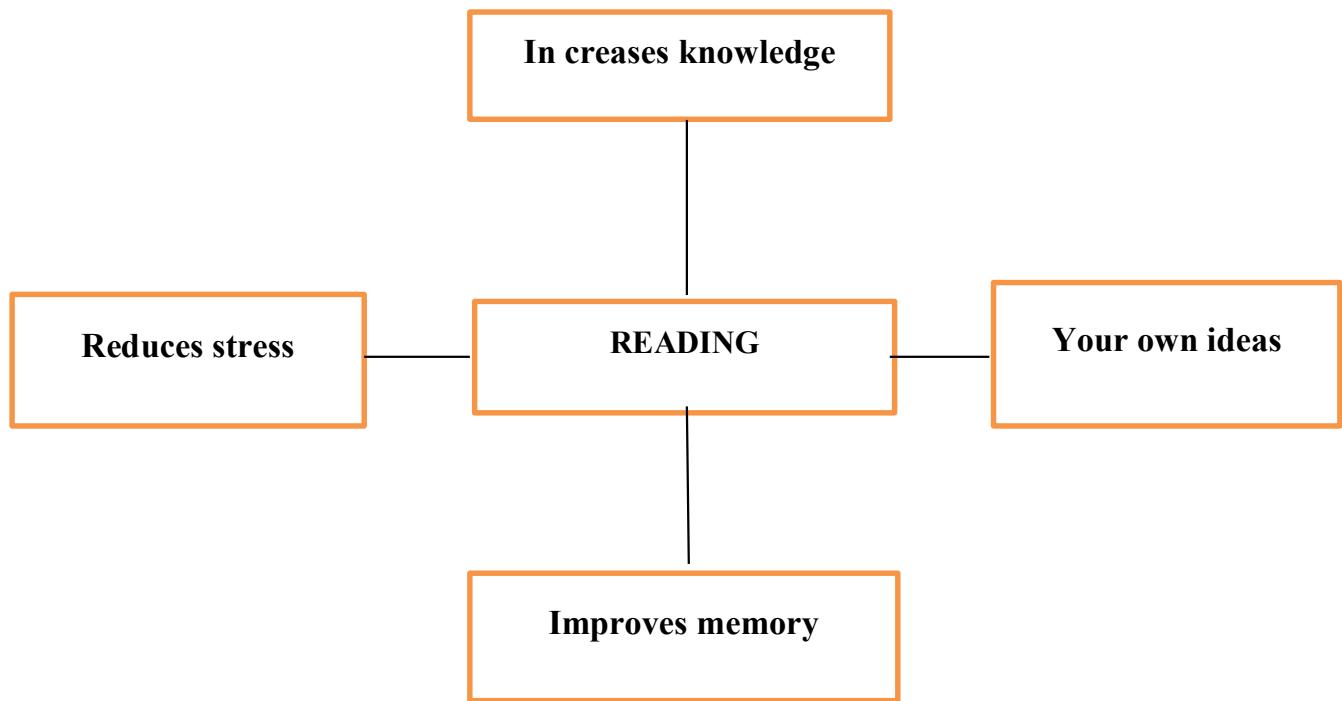
In this part of the test, there will be given a STATEMENT and some SUPPORTING
(Ở phần này của bài thi, sẽ có một câu phát biểu được đưa ra và một số ý hỗ trợ)

DETAILS, which are displayed in a MIND-MAP. You need to CLARIFY the statement by using the supporting details and your OWN IDEAS

(Chi tiết được thể hiện rõ ở mind-map. Các em cần phải làm sáng tỏ câu phát biểu bằng cách sử dụng các chi tiết hỗ trợ và chính ý của mình)

Example: reading habit should be encouraged among teenagers.

(Thói quen đọc sách nên được khuyến khích ở thanh thiếu niên)



BEGIN AGAIN

ENGLISH

- **Statement:** reading habit should be encouraged among teenagers
(thói quen đọc sách nên được khuyến khích ở thanh thiếu niên)
- **Supporting details:** increases knowledge (*tăng kiến thức*)
 - Reduces stress (*giảm áp lực*)
 - Improves memory (*cải thiện trí nhớ*)

Answering method

Step 1: analyze the topic (*phân tích chủ đề*) (1 minute)

- Find synonym, phrasal verbs, collocation, etc. (*Tìm các từ đồng nghĩa, cụm động từ, sắp xếp,... để thay đổi*)
- Find example for each supporting detail or clarify it with more information (*Tìm ví dụ cho mỗi chi tiết hỗ trợ và làm rõ với nhiều thông tin hơn*)
- Find your own idea and example or more information for it. (*Tìm ý kiến của riêng mình và ví dụ hoặc nhiều thông tin hơn cho nó*)

Step 2: state your answer (*phát biểu câu trả lời*)

- Introduction; paraphrase the statement. (*Giới thiệu, diễn giải câu phát biểu*)
- Body: develop the supporting details (which are given as nouns, noun phrase, verbs phrase, etc.) into sentences. For each supporting detail, present example or further information. (*Phát triển ý hỗ trợ bằng những dạng từ, cụm động từ được cho trong câu. Với mỗi chi tiết hỗ trợ, đưa ra ví dụ hoặc thông tin thêm*)
- Conclusion: summarize the topic. (*Tổng kết chủ đề*)

Tips:

- Try to vary your vocabulary by using synonym , related words, phrasal verbs, etc, instead of using given words (*Cố gắng làm phong phú từ vựng của mình bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa, các từ liên quan, cụm động từ,... thay vì sử dụng những từ đã cho*)
- For the extended questions, use the method of speaking part 1 (*Đối với câu hỏi thêm, sử dụng phương pháp part I*)

Answer sample: reading habit should be encouraged among teenagers

Step 1

❖ Statement:

- Reading habit = reading culture, the habit of reading , the culture of reading
- Encouraged =to boost, to inspire
- Teenagers = the youth , adolescence, young people, young generation, teens

❖ Supporting details

- Increase knowledge = broaden/ widen knowledge / understanding
Knowledge gathers day by day through books.
- Reduces stress = release stress, get away from pressure, stress reduction
Keep people away from reality
- Improve memory = memory improvement
Have to remember characters, backgrounds, etc => help to gain memory improvement

❖ Own ideas: improve focus and concentration.

Step 2

Reading culture seems to be forgotten because of modern technology.

However, teens should engage with reading for following reasons (*Văn hóa đọc sách dường như đã bị lãng quên bởi vì công nghệ hiện đại. Tuy vậy, giới trẻ nên đọc sách bởi vì các lý do sau*)

First of all, the culture of reading allows young generation to widen their understanding. In fact, everything they achieve from book would fill their head with new information. (*Đầu tiên, văn hóa đọc cho phép giới trẻ mở rộng hiểu biết của mình. Trên thực tế, tất cả mà họ tiếp thu được từ sách sẽ lập đầy trí thức của họ với những thông tin mới*)

Next, reading habit would be method to free adolescence's mind. No matter how much stress they have at a school, at home, in their relationships, it all just slips away when they lose themselves in a great story. (*Tiếp theo, thói quen đọc là phương pháp*

BEGIN AGAIN

ENGLISH

(để giải tỏa tâm trí giới trẻ. Không cần biết họ cảng thẳng ở trường, ở nhà nhiều như thế nào. Tất cả sẽ vụt tắt đi bằng cách đắm chìm trong những mẩu chuyện tuyệt vời)

Another good point of reading culture is the memory improvement it brings. When you read a book, you have to remember characters, their backgrounds as well as their ambitions, history, etc. It is undeniable that it is a good method to practice memorization skills. (*Một yếu tố tích cực khác của văn hóa đọc sách đó là khả năng cải thiện trí nhớ mà nó mang lại. Khi bạn đọc một quyển sách, bạn phải nhớ các nhân vật, khung cảnh cũng như là những khát khao, câu chuyện của họ,... Không thể phủ nhận đó là một phương pháp tốt để luyện tập khả năng ghi nhớ*)

Lastly, teens would improve focus and concentration through reading books. When they read a book, all of their attention is focused on the story. As a result, their ability to concentrate would be increase. (*Cuối cùng, giới trẻ sẽ cải thiện được khả năng tập trung qua việc đọc sách. Khi họ đọc một quyển sách, tất cả các sự chú ý của họ sẽ tập trung vào câu chuyện. Và kết quả đạt được sẽ là khả năng tập trung được tăng lên*)

To sum up, the youth should be inspired to read books due to the benefits it bring. (*Kết luận, giới trẻ nên được truyền cảm hứng để đọc sách nhờ vào những lợi ích mà nó mang lại*)

BEGIN AGAIN
ENGLISH

SUGGESTED TOPIC FOR VSTEP SPEAKING

No	topic	Part1	Part 2	Part 3
1	Family	Answer some question about your family	Which one would be your best choice: a large family with many children, a small family in which you are the only child, and a small family with 2 children	Advantages of nuclear family - For children - For parents - Your own ideas
2	Jobs	Answer some question about your job	Between becoming a doctor, a teenager and an engineer, which one will you choose? Why?	Factors that affect people's choice of job - Personalities - Hobbies - Money-earning - Your own ideas
3	Transportation	Answer some question about your transportation	There are three means of transport: train, car, motorbike. Which one would be your best choice to travel to HCM city	The importance of air travel - promote international trade - facilitate international tourism - your own ideas
4	TV	Answer some question about your TV program	Between watching a sports program, a short show, which one	Benefits of watching TV - widen your knowledge

BEGIN AGAIN

ENGLISH

			might be your best choice?	- entertainment - your own ideas
5	Movies	Answer some question about films	Between a comedy , a horror movie and an romantic movie, which one is your best choice	Reasons for watching movies in the cinema -More real feelings - brand-new movies -Your ideas
6	Cities	Answer some question about your city/ a famous city	New York, HCM city and Tokyo, which one might be your best choice	Changes of your home town -Environment -Transportation -Your own ides
7	Famous people	Answer some question about celebrity	A famous singer like My Tam, a movie star like Ngo Thanh Van or a famous athlete like Anh Vien, who would you like to become, why?	Problems of being famous -lack of privacy - lots of pressure -Your own ides
8	Hobbies	Answer some question about hobbies and interest	Which is your best choice- collecting stamps, fishing or listening to music	Reason for talking up a hobby -to build confident -to fight stress - Your own ides
9	Technology	Answer some question about	Advances in healthcare, the	The drawback of technology

BEGIN AGAIN

ENGLISH

		technological advances	development of air travel and space exploration. What is your vote? Why?	-make people lazy -kill people's leisure time - Your own ides
10	Technological items	Answer some question about mobile phones	A dishwasher , mobile phone and a laptop. Which one will you buy?	Common use of mobile phone -communication -entertainment - Your own ides
11	Keeping fit	Answer some question about sport	Between doing aerobics, skiing and playing football, which one might be the best way to keep fit?	Advantages of regular exercise -good health - be In shape - Your own ides
12	Presents	Answer some question about presents	Which gift you are going to bring to your friend's birthday party; some fruit, a bunch of flowers or cakes?	The difficulties of choosing presents: -takes lots of time Hard to choose a suitable one - Your own ides
13	Charities activities	Answer some question about what to do to help people	Between an organization that rescues wildlife animals, a charity that helps HIV affected people	Benefits of doing charities: -help people - feel better - Your own ides

BEGIN AGAIN
ENGLISH

			and charity that helps street children. Which one would you like to work for?	
14	Vacation	Answer some question about holidays	Between going to the beach, mountain climbing and visiting hometown , which one might be the best choice	Reason for traveling -relaxation - discovery - Your own ides
15	Tourist accommodation	Answer some question about travelling	A big and expensive hotel, a small but comfortable hotel and a home stay. Which one might be the best choice for you? why	Relationships between tourist accommodation and tourism -tourism helps to develop tourist accommodation - tourist accommodation promotes tourism - Your own ides
16	shopping	Answer some question about shopping	Online shopping, TV shopping and catalog shopping. Which would be your best choice?	Benefits of online shopping -save time - variety of items - Your own ides

BEGIN AGAIN
ENGLISH

STT	Chủ đề	Phần I	Phần II	Phần III
1	Gia đình	Trả lời một số câu hỏi về gia đình	Sự lựa chọn tốt nhất của em là gì: một gia đình lớn với nhiều con nít, một gia đình nhỏ mà trong đó bạn là con nhất và một gia đình nhỏ với 2 con	Lợi ích của một gia đình bao gồm con cái và bố mẹ ruột <ul style="list-style-type: none"> - Đối với con cái - Đối với bố mẹ - Ý kiến của mình
2	Nghề nghiệp	Trả lời một số câu hỏi về nghề nghiệp Giữa trở thành một bác sĩ, một giáo viên và một kỹ sư. Em sẽ chọn cái nào? Vì sao?	Giữa trở thành một bác sĩ, một giáo viên và một kỹ sư. Em sẽ chọn cái nào? Vì sao?	Nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Tính cách - Sở thích - Tiền kiếm được - Ý của mình
3	Phương tiện đi lại	Trả lời một số câu hỏi về phương tiện đi lại	Có 3 phương tiện đi lại hàng không -thúc đẩy giao thương thế giới Em nghĩ cái nào tốt nhất để đi đến HCM	Sự quan trọng của đi lại hàng không -thúc đẩy giao thương thế giới -Thuận lợi cho du khách nước ngoài - Ý của mình
4	TV	Trả lời một số	Giữa việc xem	Lợi ích của việc xem

BEGIN AGAIN
ENGLISH

		câu hỏi về chương trình TV	chương trình thể thao, chương trình ngắn và một bộ phim. Cái nào là sự lựa chọn tốt nhất của em?	TV : - Mở rộng hiểu biết - Giải trí - Ý của mình
5	Phim ảnh	Trả lời một số câu hỏi về phim ảnh	Giữa phim hài, kinh dị và lãng mạn. Em nghĩ cái nào là tốt nhất?	Các lý do để xem phim ở rạp - Nhiều cảm xúc thật hơn - Phim mới - Ý của mình
6	Thành phố	Trả lời một số câu hỏi về các thành phố nổi tiếng	New York, HCM city và Tokyo, em thích nơi nào nhất?	Các sự thay đổi ở quê em : - Môi trường - Xe cộ - Ý của mình
7	Người nổi tiếng	Trả lời một số câu hỏi về người nổi tiếng	Một ca sĩ nổi tiếng như Mỹ Tâm, diễn viên phim nổi tiếng như Ngô Thanh Vân và vận động viên nổi tiếng như Ánh Viên, em muốn trở thành ai. Vì sao?	Vấn đề khi nổi tiếng - Thiếu riêng tư - Nhiều áp lực - Ý của mình

BEGIN AGAIN
ENGLISH

8	Sở thích	Trả lời một số câu hỏi về sở thích	Cái nào là phương án lựa chọn tốt nhất của em: sưu tầm tem, câu cá hay nghe nhạc?	Lý do để có sở thích -Xây dựng sự tự tin -Chống áp lực - Ý của mình
9	Công nghệ	Trả lời một số câu hỏi về công nghệ tiến bộ	Sự tiến bộ trong chăm sóc sức khoẻ, sự phát triển việc đi lại hàng không và khám phá không gian. Em chọn cái nào?	Mặt hạn chế của công nghệ : -Làm con người lười biếng -Giết chết thời gian rảnh rỗi - Ý của mình
10	Đồ dùng công nghệ	Trả lời một số câu hỏi về điện thoại	Một máy rửa chén, điện thoại và laptop. Em sẽ mua cái nào?	Công dụng phổ biến của điện thoại -Liên lạc -Giải trí - Ý của mình

BEGIN AGAIN

ENGLISH

11	Giữ cân đối	Trả lời một số câu hỏi về thể thao	Giữa việc tập aerobic, trượt tuyế và đá bóng. Cái nào sẽ là cách tốt nhất để giữ cân đối?	Lợi ích việc tập thể dục thường xuyên - Sức khỏe tốt - Giữ vóc dáng - Ý của mình
12	Quà cáp	Một số câu hỏi về quà cáp	Món quà nào mà em sẽ mang đến cho bữa tiệc sinh nhật của bạn mình: một ít hoa quả, hoa hoặc bánh?	Việc khó khăn trong việc chọn quà: - Tốn nhiều thời gian - Khó để chọn món quà thích hợp - Ý của mình
13	Hoạt động từ thiện	Trả lời một số câu hỏi về làm gì để giúp đỡ con người	Giữa một tổ chức cứu trợ động vật hoang dã, hội từ thiện cho người bị nhiễm HIV và hội từ thiện giúp đỡ trẻ em đường phố. Em muốn làm việc cho tổ chức nào?	Lợi ích của việc làm từ thiện : - Giúp đỡ con người - Cảm thấy tốt hơn - Ý của mình
14	Kỳ nghỉ	Trả lời một số câu hỏi về kì nghỉ	Giữa việc đi biển, leo núi và thăm quê nhà. Cái nào là sự lựa chọn tốt nhất?	Lý do đi du lịch - Thoải mái - Thám hiểm - Ý của mình

BEGIN AGAIN
ENGLISH

	Chỗ ở cho du khách	Trả lời một số câu hỏi về du lịch	Một khách sạn lớn và đắt tiền, một khách sạn nhỏ và rẻ, một homestay. Cái nào là phương án tốt nhất cho em?	Mối liên hệ giữa chỗ ở và du khách -du khách giúp đỡ phát triển chỗ nghỉ ngoại - Chỗ ở cho du khách thúc đẩy du lịch - Ý của mình
15	Mua sắm	Trả lời một số câu hỏi mua sắm	Mua sắm trên mạng, mua sắm trên TV và mua sắm theo catalo. Cái nào là sự lựa chọn tốt nhất?	Lợi ích của việc mua sắm online -Tiết kiệm thời gian - Hàng hóa đa dạng - Ý của mình